*Ngày soạn: 19/04/2025*

*Ngày dạy: từ 21/04/2025 đến 29/04/2025*

**Tiết 46+47+48- Bài 22. PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.

- Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

**2. Về năng lực:**

***\* Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: nhận diện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến tìm hiểu phát triển tổng hợp kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo.

***\* Năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí theo quan điểm không gian thông qua sơ đồ các vùng biển quốc gia, các đảo và huyện đảo

- Năng lực tìm hiểu địa lí: để trình bày vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biến, vấn đề khai thác tài nguyên và bào vệ môi trường.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước: có tinh thần yêu nước, yêu biển - đảo Việt Nam

- Chăm chỉ: Tích cực tìm hiểu về tài nguyên và môi trường biển đảo Việt Nam.

- Trách nhiệm: ý thức bảo vệ chủ quyền, tài nguyên và môi trường biển - đảo Việt Nam.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, phiếu học tập

- Bản đồ vùng biển Việt Nam

- Bản đồ các huyện, thành phố đảo của Việt Nam, bản đồ một số ngành kinh tế biển Việt Nam.

- Tư liệu tranh ảnh về một số bãi biển đẹp ở Việt Nam.

**2. Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, vở ghi

- Chuẩn bị bài trước

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu*:** HS có những hiểu biết ban đầu về tài nguyên và môi trường biển đảo Việt Nam, tạo hứng thú khi học bài mới.

***b. Nội dung*:** HS theo dõi một tình huống sắm vai với nội dung về biển đảo Việt Nam (Tình huống đã được giao từ tiết học trước)

***c. Sản phẩm*:** Kịch bản HS tự xây dựng, phân công thể hiện vai diễn(Phụ lục)

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV Giao nhiệm vụ: yêu cầu HS thể hiện tình huống về biển đảo (nhóm HS đã được giao nhiệm vụ chuẩn bị từ tiết học trước)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thống nhất phân vai, diễn tiểu phẩm

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày tiểu phẩm

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Thông qua tiểu phẩm của HS, GV kết nối vào bài mới và nêu yêu cầu của việc thực hiện khái quát các nội dung của bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Hoạt động 2.1. Tìm hiểu Biển và đảo Việt Nam***

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia.

- Xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.

***b. Nội dung:***HS quan sát hình 22.1 trả lời các câu hỏi sau:

A close-up of a map

Description automatically generated

CH1: Dựa vào hình 22.1 và kiến thức đã học, hãy:

+ Nêu đặc điểm vùng biển nước ta

+ trình bày các bộ phận của vùng biển Việt Nam.

CH2: Dựa vào hình 22.2 xác định các huyện đảo, thành phố đảo và các tỉnh, thành phố có các huyện đảo, thành phố đảo đó.

Phiếu học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Huyện, thành phố đảo** | **Tỉnh, thành phố** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

***c. Sản phẩm*:** Nội dung trả lời của HS

Câu 1:

- Đặc điểm vùng biển nước ta:

+ Có đường bờ biển dài 3260 km

+ Vùng biển rộng 1 triệu km2

+ Là 1 bộ phận của biển Đông

- Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

- Có 28 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương giáp biển

- Có hàng nghìn đảo lớn nhỏ, tập hợp các đảo gần nhau tạo thành quần đảo. Một số đảo và quần đảo của nước ta đã được tổ chức thành đơn vị hành chính cấp huyện và cấp thành phố

**Câu 2: Một số huyện đảo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Huyện, thành phố đảo** | **Tỉnh, thành phố** |
| 1 | Huyện Vân Đồn | Tỉnh Quảng Ninh |
| 2 | Huyện Cô Tô | Tỉnh Quảng Ninh |
| 3 | Huyện Cát Hải | Thành phố Hải Phòng |
| 4 | Huyện Bạch Long Vĩ | Thành phố Hải Phòng |
| 5 | Huyện Cồn Cỏ | Tỉnh Quảng Trị |
| 6 | Huyện Hoàng Sa | Thành phố Đà Nẵng |
| 7 | Huyện Lý Sơn | Tỉnh Quảng Ngãi |
| 8 | Huyện Trường Sa | Tỉnh Khánh Hoà |
| 9 | Huyện Phú Quý | Tỉnh Bình Thuận |
| 10 | Huyện Côn Đảo | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 11 | Huyện Kiên Hải | Tỉnh Kiên Giang |
| 12 | Thành phố Phú Quốc | Tỉnh Kiên Giang |

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV: Chiếu sơ đồ H 22.1 và H22.2

GV giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: *Hoạt động cá nhân*

Quan sát H22.1 kết hợp kiến thức đã học trả lời các câu hỏi 1/mục nội dung

+ Nêu đặc điểm vùng biển nước ta?

+ trình bày các bộ phận của vùng biển Việt Nam?

Nhiệm vụ 2: *Hoạt động nhóm cặp* (5 phút):

Quan sát hình 22.2 xác định các huyện đảo, thành phố đảo theo phiếu học tập câu hỏi số 2 mục nội dung:

HS: Đọc yêu cầu và tiến nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS làm việc

**-** HS thực hiện làm việc cá nhân, nhóm cặp, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm,

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu câu hỏi tương tác.

- HS đánh giá kết quả sản phẩm của nhóm bạn dựa theo tiêu chí (Phụ lục)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV quan sát, nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của học sinh, biểu dương nhóm HS làm việc tốt

**GV chuẩn kiến thức**

**1. Biển và đảo Việt Nam**

- Đặc điểm vùng biển nước ta:

+ Có đường bờ biển dài 3260 km

+ Vùng biển rộng 1 triệu km2

+ Là 1 bộ phận của biển Đông

- Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

- Có 28 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương giáp biển

- Có hàng nghìn đảo lớn nhỏ, tập hợp các đảo gần nhau tạo thành quần đảo. Một số đảo và quần đảo của nước ta đã được tổ chức thành đơn vị hành chính cấp huyện và cấp thành phố.

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo***

***a. Mục tiêu:***

Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển

***b. Nội dung:***

HS quan sát hình 22.3 và đọc thông tin mục a, hãy trình bày nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước tatheo phiếu học tập số 2:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm**  **Các ngành** | **Tiểm năng** | **Hiện trạng** | **Tác động tới các ngành kinh tế khác** | **Vấn đề đặt ra** |
| Du lịch biển, đảo |  |  |  |  |
| Giao thông vận tải biển |  |  |  |  |
| Khai thác khoáng sản |  |  |  |  |
| Nuôi trồng và khai thác hải sản |  |  |  |  |

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của HS trên phiếu học tập

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Tiểm năng** | **Hiện trạng** | **Tác động tới các ngành kinh tế khác** | **Vấn đề đặt ra** |
| Du lịch biển, đảo | Tài nguyên du lịch biển phong phú, nhiều bãi biển đẹp, nhiều đảo có phong cảnh kì thú, hấp dẫn. | - Là ngành kinh tế biển được ưu tiên phát triển hàng đầu.  - Thu hút nhiều khách du lịch. | - Tác động tới nhiều ngành kinh tế (giao thông vận tải, dịch vụ lưu trú, ăn uống,..., nâng cao đời sống nhân dân,... | Chú ý đến bảo vệ môi trường biển, đảo. |
| Giao thông vận tải biển | - Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.  Ven biển có nhiều vũng vịnh có thể xây dựng càng nước sâu. | * Nước ta có 34 cảng biển. Các cảng biển ngày càng hiện đại.   Đội tàu biển quốc gia được tăng cường. | - Thúc đẩy phát triển ngành ngoại thương, công nghiệp đóng tàu và các dịch vụ hàng hải như logistics, kho bãi, hải quan,... | Cần chú trọng đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật, bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển hàng hoá, nhất là vận chuyển dầu mỏ. |
| Khai thác khoáng sản | Vùng biển có nhiều  tài nguyên khoáng sản, quan trọng nhất là dầu mỏ và khí tự nhiên; ngoài ra, ven biển còn có ti-tan, cát thuỷ tinh, một số nơi thuận lợi cho sản xuất muối. | * Công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí ngày càng phát triển để đáp ứng thị trường trong nước   ngày gia tăng.  Sản xuất muối, khai thác ti-tan, khai thác cát trắng cũng được chú trọng phát triển. | Thúc đẩy sự phát triển công nghiệp khai khoáng, dịch vụ vận tải biển, tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị, giải quyết việc làm. | Cần khai thác hợp lí, chú ý tới bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển. |
| Nuôi trồng và khai thác hải sản | * Vùng biển nước ta có trữ lượng hải sản lớn với nhiều ngư trường.   Dọc bờ biển và ven các đảo có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi trồng hải sản. | * Sản lượng khai thác và nuôi trồng hải sản ngày càng tăng. * Khai thác và nuôi trồng ngày càng hiện đại.   Công tác quản lí nghề cá trên biển ngày càng chặt chẽ và hiện đại,... | * Cung cấp nguyên liệu   quan trọng cho ngành công  nghiệp chế biến, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo mặt hàng xuất khẩu có giá trị.  Mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân vùng biển, góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh. | Chú ý đến sự suy giảm tài nguyên,  ô nhiễm môi trường, tuân thủ các công ước quốc tế. |

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chiếu hình 12.1, 12.2, yêu cầu HS đọc thông tin mục 2

***Nhiệm vụ 1*:** Hoạt động nhóm bàn (15 phút)

HS quan sát hình 22.3 và đọc thông tin mục a, hãy trình bày nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước tatheo phiếu học tập số 2: (mục b)

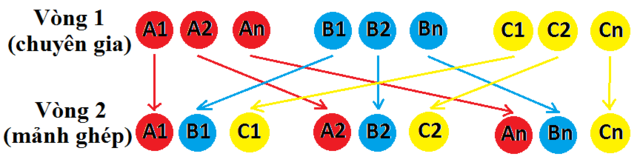
Nhóm 1: Du lịch biển, đảo

Nhóm 2: Giao thông vận tải biển

Nhóm 3: Khai thác khoáng sản

Nhóm 4: Nuôi trồng và khai thác hải sản

**HS thực hiện thực hiện theo kĩ thuật các mảnh ghép**



HS đọc yêu cầu và tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc dưới sự hướng dẫn của GV

Vòng 1: HS thảo luận theo nhóm tổ: (7 phút)

Vòng 2: Các nhóm đổi chỗ cho nhau theo hướng dẫn. Để tránh việc học sinh di chuyển lộn xộn giáo viên cần quy định cách di chuyển, có hình thức khen/nhắc nhở khi nhóm di chuyển trật tự/ồn ào.

Giáo viên chiếu sơ đồ và hs có 30 giây để di chuyển về nhóm mới.

- Mỗi nhóm mới có 2 phút để trình bày lại những gì mình làm được ở nhóm chuyên gia cho các bạn ở nhóm mới của mình (3 cặp đôi thay nhau chia sẻ).

- Sau khi nhóm mảnh ghép chia sẻ xong. Giáo viên giao nhiệm vụ mới cho các nhóm **“mảnh ghép”.** Nhiệm vụ này mang tính khái quát, tổng hợp toàn bộ nội dung đã được tìm hiểu từ các nhóm **“chuyên sâu”,** hoàn thành bảng thông tin.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm,

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu câu hỏi tương tác.

- Các nhóm nêu câu hỏi tương tác

***Một số câu hỏi tương tác dự kiến:***

***? Tại sao nghề muối phát triển mạnh ở ven biển NTB?***

Nghề muối phát triển mạnh ở ven biển Nam Trung Bộ do:

- Nước biển của vùng biển Nam Trung Bộ có độ muối cao.

- Lượng mưa trung bình hàng năm ít, nắng nhiều (khu vực cực nam của vùng trong năm có khoảng 300 ngày không mưa).

- Địa hình ven biển có nhiều nơi thuận lợi cho việc sản xuất muối.

chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển

- Nhân dân có truyền thống và nhiều kinh nghiệm sản xuất muối.

***? Việc phát triển giao thông vận tải có ý nghĩa như thế nào đối với ngành ngoại thương nước ta?***

- Thúc đẩy hoạt động giao lưu, buôn bán với các quốc gia được dễ dàng hơn thông qua tuyến đường biển quốc tế.  
- Vận tải biển có ưu điểm trong vận chuyển hàng hóa nặng, cồng kềnh trên những tuyến đường dài xuyên lục địa. Góp phần mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thay đổi và chuyển dịch cơ cấu hàng hóa giữa nước ta với các quốc gia trong khu vực, trên thế giới.

**? *Tại sao phải ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ?***

**-** Do nguồn hải sản ven bờ của nước ta có trữ lượng nhỏ song sản lượng đánh bắt lớn, phương thức khai thác nghề lộng là khai thác vô tổ chức dẫn đến nguy cơ cạn kiệt hải sản ven bờ. Nguồn hải sản xa bờ có trữ lượng lớn nhưng lại chưa được khai thác tốt → đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản được ưu tiên phát triển để đảm bảo nguồn tài nguyên cho phát triển bền vững.

**? *Để phát triển du lịch biển đảo lâu dài, ta cần chú ý vấn đề gì?***

Cần : - Chống ô nhiễm môi trường biển

- Xây dựng tốt cơ sở hạ tầng

- Nâng cao mức sống nhân dân

***? Tại sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?***

 Phát triển tổng hợp là sự phát triển nhiều ngành, giữa các ngành có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau để cùng phát triển và sự phát triển của một ngành không được kìm hãm hoặc gây thiệt hại cho các ngành khác.

- Tài nguyên biển nước ta phong phú và đa dạng, nên các hoạt động kinh tế biển rất đa dạng: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác các đặc sản, khai thác khoáng sản trong nước biển và lòng đất, du lịch biển và giao thông vận tải biển. Chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả cao và bảo vệ môi trường.

- HS đánh giá kết quả sản phẩm của nhóm bạn dựa theo tiêu chí (Phụ lục)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

GV: : GV cần nhắc đến, hiện nay ngoài tập trung phát triển kinh tế biển, đảo như trên, nước ta còn phát triển các ngành kinh tế biển, đảo khác như: công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo, dược liệu biển,...

mở rộng về chính sách đầu tư cơ sở vật chất (thuyền vỏ thép) thúc đẩy hoạt động đánh bắt xa bờ

*- GV Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh: Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển phải gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh biển*

**GV chuẩn kiến thức:** Bảng phiếu học tập số 2 (mục c)

***Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo***

***a. Mục tiêu:***

Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

***b. Nội dung:***HS dựa vào thông tin mục b, hãy trình bày ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

***c. Sản phẩm*:** Nội dung trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV: Yêu cầu HS đọc thông tin mục b

GV giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: *Hoạt động nhóm cặp*

trình bày ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

HS: Đọc yêu cầu và tiến nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS làm việc

**-** HS thực hiện làm việc cá nhân, nhóm cặp, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm,

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu câu hỏi tương tác.

- HS đánh giá kết quả sản phẩm của nhóm bạn dựa theo tiêu chí (Phụ lục)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV quan sát, nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của học sinh, biểu dương nhóm HS làm việc tốt

**GV chuẩn kiến thức**

- Phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo có ý nghĩa quan trọng đối với:

+ Bảo vệ tài nguyên, môi trường: Thông qua phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo sẽ khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

+ Giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; thể hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên vùng biển quốc gia.

***Hoạt động 2.4. Tìm hiểu khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo***

***a. Mục tiêu:***

Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đảo.

***b. Nội dung:***GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục 3, hãy phân tích vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo nước ta.

***c. Sản phẩm*:** Nội dung trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV: Yêu cầu HS đọc thông tin mục b

GV giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: *Hoạt động nhóm cặp*

trình bày ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

HS: Đọc yêu cầu và tiến nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS làm việc

**-** HS thực hiện làm việc cá nhân, nhóm cặp, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm,

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu câu hỏi tương tác.

- HS đánh giá kết quả sản phẩm của nhóm bạn dựa theo tiêu chí (Phụ lục)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV quan sát, nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của học sinh, biểu dương nhóm HS làm việc tốt

**GV chuẩn kiến thức**

- Tài nguyên biển, đảo được khai thác ngày càng hiệu quả. Công tác quản lí, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo được chú trọng. Tuy nhiên, một số tài nguyên biển bị khai thác quá mức; ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở một số nơi; các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm.

- Một số giải pháp để khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo:

+ Đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên biển.

+ Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm ô nhiễm môi trường biển, đảo.

+ Quản lí và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, đảo; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển.

+ Tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu trong phòng, chống ô nhiễm môi trường biển, đảo.

+ Tuyên truyền, giáo dục người dân có ý thức và hành động bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, đảo.

***Hoạt động 2.5. Giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông***

***a. Mục tiêu:***

Phân tích được vấn đề giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

***b. Nội dung:***Dựa vào thông tin mục 4 và kiến thức đã học, hãy phân tích vấn đề giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

***c. Sản phẩm*:** Nội dung trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV: Yêu cầu HS đọc thông tin mục b

GV giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: *Hoạt động nhóm bàn*

Trình bày ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

HS: Đọc yêu cầu và tiến nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS làm việc

**-** HS thực hiện làm việc cá nhân, nhóm cặp, thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.

- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm,

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu câu hỏi tương tác.

- HS đánh giá kết quả sản phẩm của nhóm bạn dựa theo tiêu chí (Phụ lục)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV quan sát, nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của học sinh, biểu dương nhóm HS làm việc tốt

**GV chuẩn kiến thức**

Để giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông cần:

- Dựa trên các căn cứ pháp luật quốc tế, pháp luật của Việt Nam.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn dân về giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Phát triển khoa học công nghệ và tăng cường điều tra cơ bản về biển, đảo.

- Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển.

- Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực thi pháp luật trên biển.

- Tăng cường và mở rộng quan hệ ngoại giao, hợp tác quốc tế về biển.

- Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển, đảo.

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố nội dung kiến thức về đặc điểm tài nguyên và môi trường biển đảo Việt Nam.

***b. Nội dung:***

Nội dung 1: HS làm bài tập trắc nghiệm qua hệ thống trò chơi: Giải cứu đại dương

Một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Ngành kinh tế biển nào sau đây được ưu tiên phát triển hàng đầu ở nước ta?

A. Du lịch biển, đảo. B. Giao thông vận tải biển.

C. Khai thác khoáng sản. D. Nuôi trồng và khai thác hải sản.

**Câu 2.** Việt Nam có thế mạnh phát triển du lịch biển, đảo chủ yếu là do:

A.văn hóa vùng biển đa dạng. B. vùng biển có nhiều hải sản.

C. biển có nhiều phong cảnh đẹp. D. ven biển có các tuyến giao thông.

**Câu 3.** Nước ta có điều kiện để xây dựng nhiều cảng biển là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế. B. Bờ biển có nhiều cửa sông.

C. Nước biển ấm, không bị đóng băng. D. Ven biển có nhiều vũng vịnh.

**Câu 4:** Nguồn tài nguyên khoáng sản được coi là vô tận của vùng biển nước ta là:

A. dầu khí. B. cát trắng. C. oxit titan. D. muối.

**Câu 5.** Để trở thành một đất nước mạnh về biển, giàu từ biển, cần chú trọng:

A. khai thác tiềm năng dầu khí. B. khai thác tài nguyên hải sản.

C. đẩy mạnh phát triển du lịch biển. D. phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo.

**Câu 6:** Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo là:

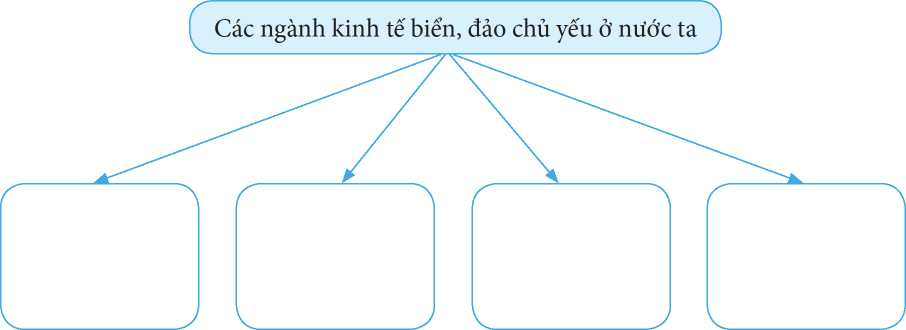
A. cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi thủy sản.

B. hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển, hội nhập với thế giới.

C. tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân vùng đảo.

D. cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

Nội dung 2: Lập sơ đồ thể hiện các ngành kinh tế biển của nước ta



***c. Sản phẩm:***

Nội dung 1

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| Đáp án | A | C | D | D | D | D |

Nội dung 2: Sơ đồ:

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS đọc và trả lời các câu hỏi theo nội dung mục b

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS làm việc cá nhân, nhóm cặp suy nghĩ trả lời các câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

HS trình bày câu trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá tinh thần học tập tích cực của HS, khen thưởng HS câu trả lời nhanh nhất.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

***a. Mục tiêu*:**

- Vận dụng kiến thức Tìm hiểu về Luật Biển Việt Nam năm 2012

***b. Nội dung*:**

- Tìm hiểu qua sách, báo và internet về Luật Biển Việt Nam năm 2012.

- Chỉ ra lợi ích khi có Luật Biển Việt Nam năm 2012.

***c. Sản phẩm*:**- Bài thu hoạch HS

***Sản phẩm tham khảo***

- Luật Biển Việt Nam năm 2012 là văn kiện pháp lý cần thiết và quan trọng trong tiến trình xây dựng luật pháp và pháp điển hóa của Việt Nam liên quan đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Việc thông qua Luật Biển Việt Nam đã:

+ Tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước thực thi và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển đảo

+ Tạo hành lang pháp lý quan trọng để xác lập quy chế pháp lý các vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, cũng như điều chỉnh các hoạt động trong vùng biển của Việt Nam

+ Là cơ sở để Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ trương, chính sách của Việt Nam đối với việc giải quyết các tranh chấp quốc gia trên biển bằng các biện pháp hòa bình, góp phần duy trì hòa bình, ổn định, thịnh vượng khu vực và quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

*GV Yêu cầu HS*

- Tìm hiểu qua sách, báo và internet về Luật Biển Việt Nam năm 2012.

- Chỉ ra lợi ích khi có Luật Biển Việt Nam năm 2012.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

HS báo cáo vào tiết học sau: có thể làm hoạt động kết nối sang chủ đề chung thuộc phân môn địa lí.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Giáo viên kết luận toàn bài

***\*Hướng dẫn HS tự học ở nhà***

-> HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thức, sự hiểu biết của bản thân qua một số trang website, đường link, sách tham khảo...thực hiện các nhiệm vụ được giao ở phần vận dụng

- Hoàn thành các bài tập trong vở thực hành địa lí

- Chuẩn bị Chủ đề chung 1: Đô thị lịch sử và hiện tại.

+ Tìm hiểu vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.

+ Tìm hiểu quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.

+ Tìm hiểu tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

**IV. Phụ lục**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ** | **ĐIỂM TỐI ĐA** | **ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC** | |
| **Nhóm** | **Nhóm** |
| **1. Hình thức báo cáo**  **(***2,0 điểm***)** | Sáng tạo, hấp dẫn, ấn tượng. Bố cục hợp lí. | 2,0 |  |  |
| **2. Nội dung thuyết trình**  **(***5,0 điểm***)** | Logic, rõ ràng, dễ theo dõi. | 1,0 |  |  |
| Không có lỗi chính tả, không quá nhiều chữ. | 1,0 |  |  |
| Thông tin đầy đủ, chính xác. | 3,0 |  |  |
| **3. Kỹ năng thuyết Trình**  **(***2,0 điểm***)** | Phong thái tự tin. | 0,5 |  |  |
| Thuyết trình mạch lạc tương tác với người nghe. | 1,0 |  |  |
| Đúng thời gian quy định. | 0,5 |  |  |
| **4. Trả lời câu hỏi tương tác của nhóm bạn (***1,0 điểm***)** | Tích cực tương tác với nhóm bạn. | 0,5 |  |  |
| Câu trả lời chính xác, hợp lý và đưa ra được những dẫn chứng. | 0,5 |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM (10 ĐIỂM)** | | 10 |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt của BGH** | **Duyệt của TTCM** | **Giáo viên soạn** |
|  |  |  |
| **Bùi Thế Hùng** | **Đào Thị Phúc** | **Dương Thị Loan** |